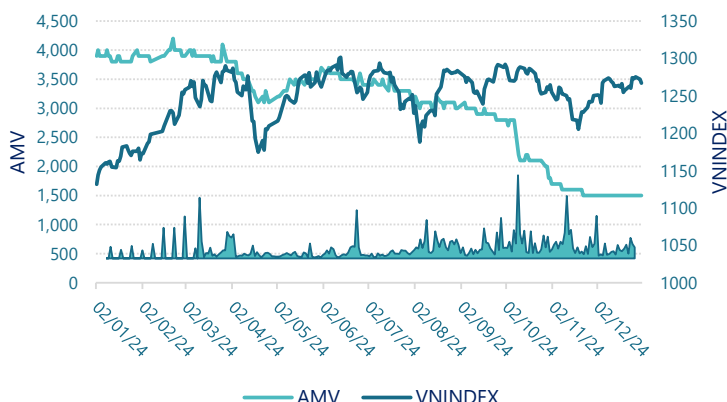


CTCP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (HNX: AMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	1,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,500
SL cổ phiếu LH	131,105,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	169,870
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	197
P/E	42.5
EPS	35

DT thuần

Q4/24

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 217 | 3800%

YoY: ▲ 178 | 391%

LN sau thuế

Q4/24

67.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.0 | 48.5%

YoY: ▲ 63.2 | 1557%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

9.7%

+/- YoY: ▼ 7.6%

DT thuần

2024

310

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 113 | 57.6%

LN sau thuế

2024

3.11

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.8 | -77.5%

ROE

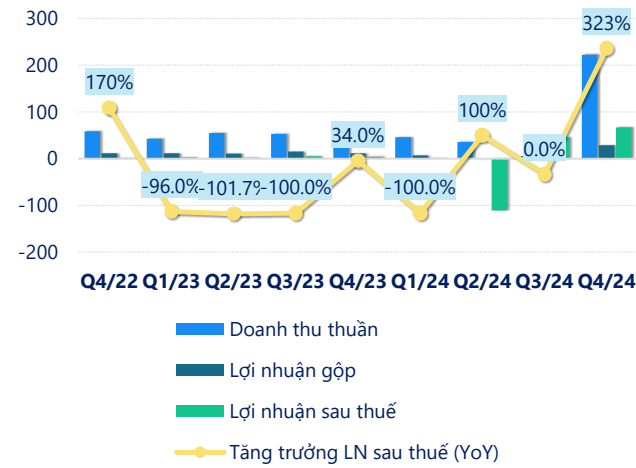
2024

0.3%

+/- YoY: ▼ 0.5%

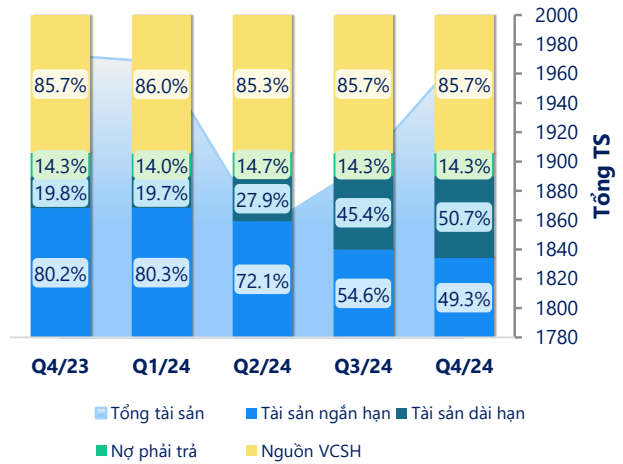
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

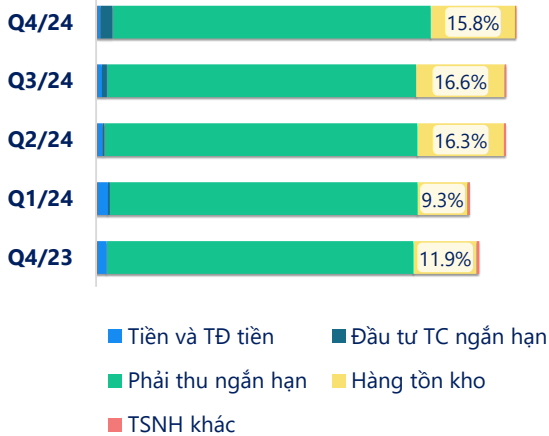


Cơ cấu Tổng tài sản

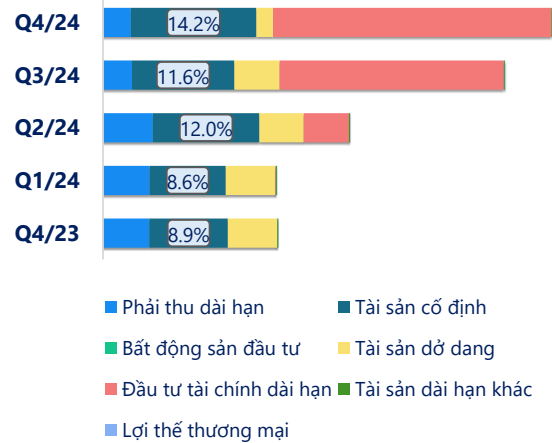
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

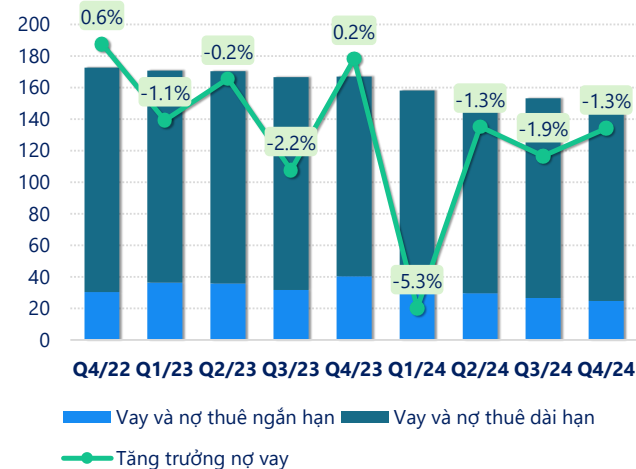


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



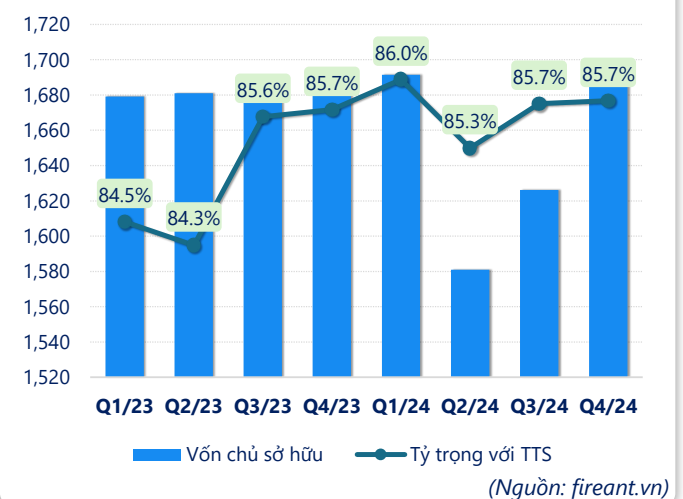
tỷ VNĐ

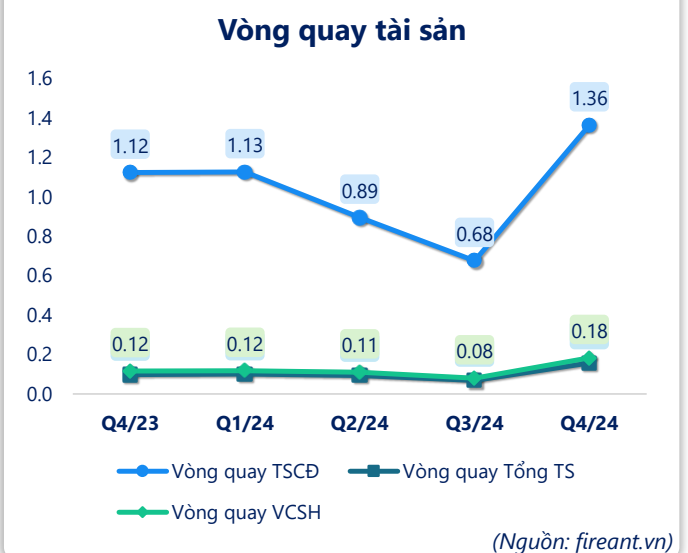
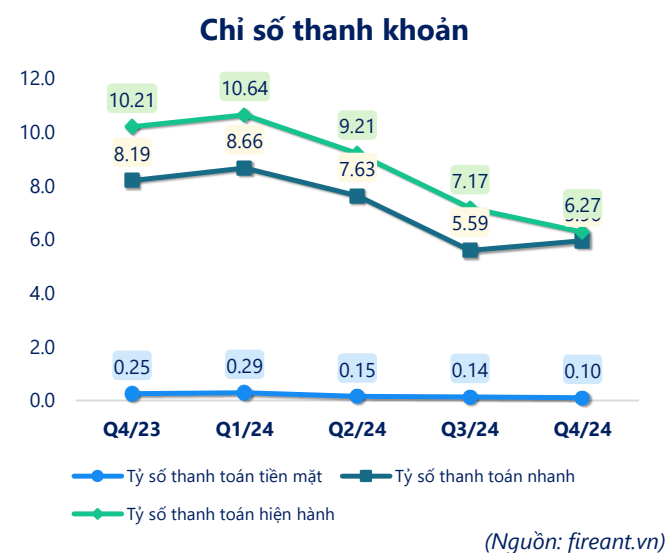
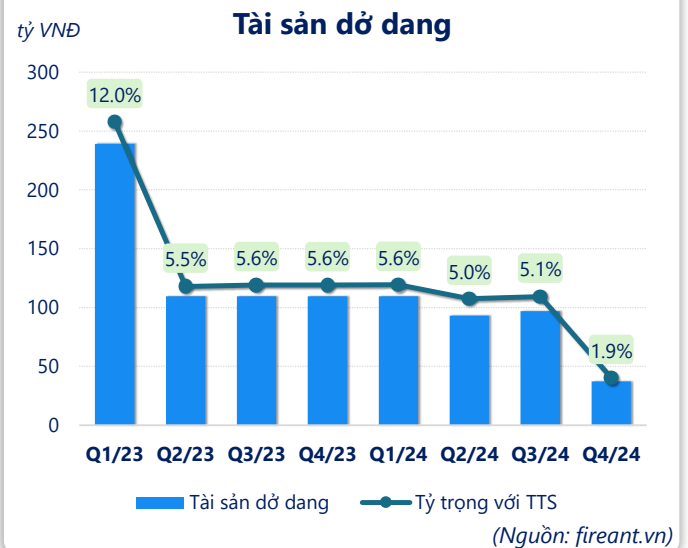
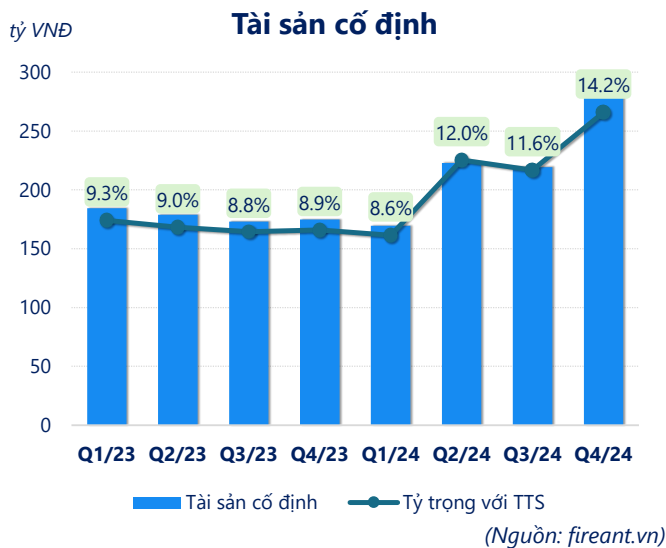
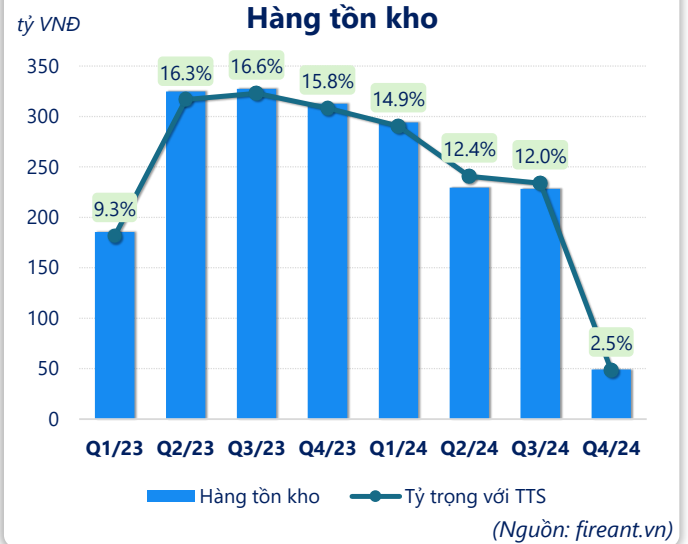
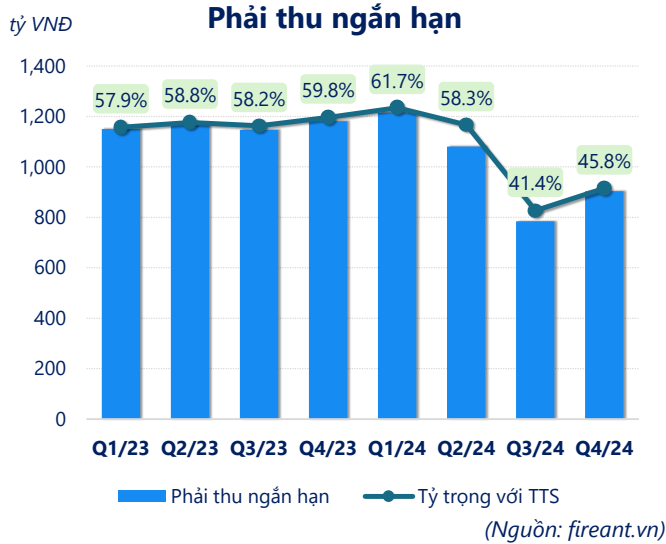
Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,973	1,968	1,854	1,897	1,975
Tài sản ngắn hạn	1,582	1,581	1,336	1,036	973
Tiền và tương đương tiền	38.8	43.0	22.2	19.8	16.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	25.2	0	0.10	0.10
Phải thu ngắn hạn	1,181	1,215	1,081	784	904
Hàng tồn kho	313	294	230	228	49.1
Tài sản ngắn hạn khác	5.05	3.90	3.53	3.87	3.59
Tài sản dài hạn	391	387	518	861	1,002
Phải thu dài hạn	103	103	104	61.9	61.9
Tài sản cố định	175	169	223	219	280
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	110	110	93.0	96.8	37.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.39	94.4	480	620
Tài sản dài hạn khác	2.79	2.66	2.55	2.47	2.51
Lợi thế thương mại	0.32	0.31	0.30	0.29	0.28
Nợ phải trả	283	276	273	271	282
Nợ ngắn hạn	155	149	145	145	155
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.3	31.6	29.6	26.6	24.6
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	13.1	11.1	12.6	15.2
Nợ dài hạn	128	128	128	127	127
Vay và nợ thuê dài hạn	127	127	127	127	127
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,690	1,691	1,581	1,626	1,693
Vốn chủ sở hữu	1,690	1,691	1,581	1,626	1,693
Vốn điều lệ	1,311	1,311	1,311	1,311	1,311
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)